

Bản án số: 46/2018/DS-ST  
Ngày: 20/7/2018  
V/v: “Tranh chấp hợp đồng  
mua bán hàng hóa”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Bùi Thị Hoa Dung**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Đào Thị Ngâm**
2. Bà **Huỳnh Thị Minh Tuyết**

*Thư ký phiên tòa:* Bà Mai Lê Trúc Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hải Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2018 tại TAND thành phố Tuy Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 56/2018/TLST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2018, về “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2018/QĐXX-DS ngày 14 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966  
Trú ở: KP H, thị trấn HV, huyện ĐH, tỉnh Phú Yên.  
Có mặt tại phiên tòa.

- **Bị đơn:** Vợ chồng ông Võ Văn S, sinh năm: 1977 và bà Nguyễn Thị Kim Đ, sinh năm: 1978; Đồng trú: KP B, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên.  
(ông S có mặt; bà Đ vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 28/3/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Vào năm 2013, bà T với vợ chồng ông Võ Văn S và bà Nguyễn Thị Kim Đ có thỏa thuận miệng tại nhà ông S về việc mua bán thức ăn gia cầm. Theo thỏa thuận, bà T giao thức ăn chăn nuôi vịt và bên ông S nhận hàng sau khi đã kiểm tra hàng và các bên thỏa thuận sẽ thanh toán gởi đầu, có lần bà T trực tiếp đi

giao hàng, có lần nhân viên của bà T giao hàng, nhưng mỗi lần giao hàng thì ông S đều có ký nhận vào sổ nhận hàng của bà T. Đến ngày 26/2/2017, hai bên không mua bán nữa thì giữa bà T và ông S có đối chiếu nợ thì ông S, Đ còn nợ 76.760.000đ. Ông S trực tiếp ký vào sổ của bà. Sau đó, bà T có đến nhà ông S, bà Đ để đòi nợ, ông S hẹn trả dần nhưng không trả. Còn gặp bà Đ thì bà nói do làm ăn thua lỗ để về gặp chồng thì sẽ trao đổi nhưng cũng không thực hiện. Đến ngày 19/7/2018, ông S trả cho bà Đ số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng). Việc ông S chăn nuôi vịt đẻ trứng bán kiếm lời nhằm mục đích sinh hoạt chung cho gia đình. Nên tôi yêu cầu ông S và bà Đ trả lại số tiền nợ mua cám là 69.760.000đ, bà T đồng ý cho ông S, bà Đ trả dần 5.000.000đ/tháng cho đến khi hết nợ. Nếu vợ chồng ông S và bà Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ hàng tháng thì yêu cầu trả một lần số tiền trên. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tại bản trình bày vào ngày 03/5/2018 và tại phiên tòa, bị đơn ông Võ Văn S trình bày: Thừa nhận bà T có đến nhà của vợ chồng ông để thỏa thuận bằng miệng về việc mua bán cám cho vịt đẻ trứng, thanh toán theo hình thức gởi đầu. Mỗi lần giao hàng, ông S là người trực tiếp nhận hàng và ký vào sổ nhận nợ của bà T. Khi làm ăn có lợi nhuận thì một phần thì trả nợ, phần thì chi tiêu sinh hoạt trong gia đình và lo cho 02 đứa con. Lý do chậm trả nợ cho bà T do chăn nuôi vịt bị dịch bệnh, chăn nuôi thua lỗ nên chưa có tiền để trả nợ. Bà Đ (vợ ông S) nói với ông S là làm ăn chung thì là nợ chung của vợ chồng nhưng ông S phải đứng ra trả nợ cho bà T". Nên ngày 19/7/2018 ông S trả cho bà Đ 7.000.000đ. Nay ông S thừa nhận còn nợ bà T số tiền 69.760.000đ, xin trả dần 5.000.000đ/tháng cho đến khi hết nợ. Bà Đ nhận được giấy triệu tập của Tòa cho vợ chồng ông để tham gia phiên hòa giải và xét xử, vì bà Đ bận công việc nên chỉ có mình ông đến Tòa, nhưng ông cũng có thông báo cho bà Đ biết về nội dung bà T khởi kiện, nhưng vợ ông nói ông S phải trả nợ cho bà T.

Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã triệu tập hợp lệ bị đơn bà Đ để hòa giải và xét xử nhưng bị đơn bà Đ vắng mặt nên việc hòa giải không thành.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định pháp luật. Xác định đúng quan hệ tranh chấp và tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T. Về án phí vợ chồng ông S và bà Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]Về thủ tục tố tụng:** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã triệu tập hợp lệ bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Đ để hòa giải và xét xử nhưng bị đơn

vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Đ.

**[2]Về thẩm quyền giải quyết:** Bị đơn có địa chỉ tại thành phố Tuy Hòa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

**[3]Về quan hệ pháp luật tranh chấp:** Hội đồng xét xử thấy rằng, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền mua thức ăn để chăn nuôi vịt còn nợ nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” là đúng với quy định của pháp luật.

**[4]Về nội dung vụ án:**

Trong quá trình thu thập chứng cứ, hòa giải và tranh luận tại phiên tòa hôm nay bên nguyên đơn bà Nguyễn Thị T yêu cầu vợ chồng ông Võ Văn S và bà Nguyễn Thị Kim Đ trả số tiền nợ mua cám là 69.760.000đ, cho trả dần 5.000.000đ/tháng đến khi hết nợ, nếu như ông S, bà Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu trả một lần Ông Võ Văn S thừa nhận còn nợ số tiền 69.760.000đ, xin trả dần 5.000.000đ/tháng, nhưng chỉ một mình ông trả không liên quan gì đến bà Đ. Xét thấy, việc bà Nguyễn Thị T chỉ yêu cầu vợ chồng ông S trả nợ 69.760.000đ, không yêu cầu trả lãi là đã có lợi cho phía bị đơn. Bị đơn ông S đồng ý trả nợ nhưng chỉ một mình ông S trả không liên quan gì đến bà Đ thì không có cơ sở bởi lẽ vợ chồng ông S và bà Đ là vợ chồng hợp pháp, đang chung sống sống với nhau và nuôi 02 con. Việc ông S mua cám để về chăn nuôi vịt đẻ trứng để bán kiếm lời cũng nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, chăn nuôi thua lỗ là ngoài ý muốn. Do đó, trong thời kỳ hôn nhân ông S và bà Đ cùng phải có trách nhiệm đối với khoản nợ. Tại khoản 1 Điều 27 Luật HNGĐ năm 2014 quy định “vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30”; tại khoản 2 Điều 37 quy định “Vợ chồng có trách nhiệm chịu liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này”. Tại phiên tòa bà T cho vợ chồng ông S trả dần 5.000.000đ/tháng, bị đơn ông S đồng ý. Tuy nhiên do bà Đ vắng mặt nên Tòa không thể ghi nhận sự thỏa thuận này. Do đó, cần buộc bà Nguyễn Thị Kim Đ và ông Võ Văn S trả số nợ 69.760.000đ. Ngoài ra không yêu cầu giải quyết khoản gì khác nên Hội đồng xét xử không xét.

**[5]Về án phí:** Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật; yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng điểm khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 430, 440, 453 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật HNGĐ năm 2014.

## **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T. Buộc bị đơn vợ chồng ông Võ Văn S và bà Nguyễn Thị Kim Đ phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 69.760.000đ (sáu mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng) về khoản hợp đồng mua bán hàng hóa.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chưa thi hành xong số tiền nói trên thì phải trả lãi theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

**Về án phí:** Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vợ chồng ông Võ Văn S và bà Nguyễn Thị Kim Đ phải chịu 3.488.000đ (ba triệu bốn trăm tám mươi tám ngàn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí 1.919.000đ (một triệu chín trăm mười chín ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0009953 ngày 30/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nguyên đơn, bị đơn ông S có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Bùi Thị Hoa Dung**